

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 258/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 28-8-2017

V/v “tranh chấp ly hôn,  
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Hưng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Huỳnh Thị Châu.

2. Bà Nguyễn Thị Hợp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Nga, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2016/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2016 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Mỹ P, sinh năm 1987, địa chỉ cư trú: 183A/3, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai – có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Quang M, sinh năm 1983, địa chỉ cư trú: 147/6, ấp TY, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai – có mặt.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn:* ông Đinh Việt T, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư VT, Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai – có mặt.

3. *Người làm chứng:* Bà Vũ Thị S, sinh năm 1959, địa chỉ cư trú: 183A/3, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại Đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị Mỹ P trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Quang M quen biết, tìm hiểu nhau được khoảng 06 tháng thì hai bên tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/8/2010. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau và về kinh tế, ngoài ra còn có tác động của người thân hai bên gia đình. Nhiều lần gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thành. Từ tháng 10/2015, chị và

anh M không còn quan tâm, chăm sóc và thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị không còn tình cảm vợ chồng nên xin được ly hôn anh Minh.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung là cháu Trần Ngọc Kim N, sinh ngày 26/5/2012 và Trần Ngọc Kiều N1, sinh ngày 28/10/2013, hiện cháu N1 do chị nuôi dưỡng, cháu N do anh M nuôi dưỡng. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Quang M trình bày:*

Anh thống nhất với trình bày của chị Vũ Thị Mỹ P về việc kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân, về con chung và về chia tài sản. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn giải pháp khắc phục, không còn tình cảm vợ chồng với chị P, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn cơ hội để duy trì quan hệ hôn nhân với chị P nhưng anh không đồng ý ly hôn do anh theo đạo công giáo.

Về nuôi con chung: anh xin trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn:* mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh M có nguyên nhân sâu xa là do chịu sự tác động từ những người thân trong gia đình hai bên. Qua thái độ của chị P và anh M tại phiên tòa thể hiện cả hai vẫn còn tình cảm với nhau, đề nghị không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

*\* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện T:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: các bên đương sự, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Riêng đối với thời hạn chuẩn bị xét xử là chưa bảo đảm đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết tranh chấp: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P, giao cháu N1 cho chị P, giao cháu N cho anh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời chị P và anh M không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung không đặt ra xem xét. Chị P phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Vũ Thị Mỹ P khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Trần Quang M có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Người làm chứng là bà Vũ Thị S đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên tòa nhưng đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Chị P và anh M tự nguyện xây dựng gia đình vào năm 2010, có đăng ký kết hôn, đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, chị P có đơn yêu cầu xin ly hôn anh M, xét thời điểm hiện tại Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực, việc kết hôn của chị P và anh M cũng thỏa mãn các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật này, chị P và anh M cũng không có tranh chấp về tài sản nên Tòa án áp dụng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết. Chị P được quyền xin ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51.

[2.2] Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh M xảy ra đã lâu (từ năm 2013), nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp và về vấn đề kinh tế nên thường xảy ra bất đồng tranh cãi, ngoài ra còn có tác động của người thân hai bên gia đình. Chị P và anh M đã tìm cách hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không khắc phục được nên từ tháng 10/2015, cả hai không còn chung sống và thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Trong quá trình giải quyết, anh M cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn giải pháp khắc phục, anh không còn tình cảm vợ chồng với chị P, mục đích hôn nhân không đạt được, anh không đồng ý ly hôn là do anh là người theo đạo công giáo, không cho phép ly hôn; Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng chị P vẫn kiên quyết ly hôn, anh M cũng xác định không thể duy trì quan hệ hôn nhân với chị P. Do vậy, đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị P và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị P, cho ly hôn giữa chị P và anh M. Quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh M chấm dứt kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, chị P và anh M có 02 con chung là cháu Trần Ngọc Kim N, sinh ngày 26/5/2012 và Trần Ngọc Kiều N1, sinh ngày 28/10/2013. Ly hôn, chị P và anh M đều xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Xét nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung của chị P và anh M là chính đáng, cả hai đều cung cấp được chứng cứ chứng minh có công việc và thu nhập bảo đảm cho việc nuôi dưỡng con. Tuy nhiên, hiện tại cháu N1 do chị P trực tiếp nuôi dưỡng, cháu N do anh M trực tiếp nuôi dưỡng, quá trình nuôi dưỡng con, chị P và anh M đều thực hiện tốt nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Do vậy, nhằm bảo đảm cho các cháu ổn định cuộc sống, có điều kiện phát triển tốt nhất về mọi mặt, cần giao cháu N1 cho chị P, cháu N cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng

là phù hợp với quy định tại Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nhưng chị P và anh M đều không yêu cầu cấp dưỡng, cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời chị P và anh M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] Anh M và chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết anh M và chị P được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Về chia tài sản: chị P và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: chị P và anh M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ thanh toán nợ nên không đặt ra xem xét.

[8] Về nghĩa vụ chịu án phí: chị P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh M có nguyên nhân sâu xa là do chịu sự tác động từ những người thân gia đình hai bên. Và qua thái độ của anh M và chị P tại phiên tòa thể hiện cả hai vẫn còn tình cảm vợ chồng với nhau, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P. Quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn chỉ là nhận xét chủ quan, không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận. Bởi lẽ, sự tác động của người thân gia đình hai bên chỉ là một trong những nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh M được phân tích nêu trên; trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chính anh M cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị P, việc anh M không đồng ý ly hôn là do anh theo đạo công giáo, không cho phép ly hôn.

[11] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, khoản 2 Điều 229, Điều 235 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Vũ Thị Mỹ P.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị Mỹ P và anh Trần Quang M. Quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh M chấm dứt kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Trần Ngọc Kiều N1, sinh ngày 28/10/2013 cho chị Vũ Thị Mỹ P; giao con chung Trần Ngọc Kim N, sinh ngày 26/5/2012 cho anh Trần Quang M trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Tạm thời chị Vũ Thị Mỹ P và anh Trần Quang M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Chị Vũ Thị Mỹ P và anh Trần Quang M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết chị P và anh M được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Vũ Thị Mỹ P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số 005641 ngày 06/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai. Chị P đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Mỹ P và anh Trần Quang M được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Thi hành án dân sự huyện T;
- Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Trung Hưng**